

(Chúng tôi nhận đáp ứng mọi nhu cầu về kính với giá cạnh tranh nhất . Vui lòng gọi hotline 1900 9192)

KÍNH GỬI:

SỐ 69. Hiệu lực 7h00, ngày 08-05-2026

	Tên gọi Kính, màu sắc, nếu là kính cường lực sẽ được tính giá loại 1 đáp ứng TCVN 7208-2018 còn phải không có bọt	Nguồn gốc/ Tên hàng / Thương hiệu	Giá bán Đại Lý hoặc hợp đồng mua số lượng 100m2/ lần			Giá bán lẻ		
			Cắt theo kích thước	Cường lực	Thành phẩm cường lực	Cắt theo kích thước	Cường lực	Thành phẩm cường lực
1	Kính 4 mm Trong - VIET NAM	Phú Mỹ	116.800	45.000	161.800	128.480	55.000	183.480
2	Kính 5mm Trong VIET NAM -PHÚ MỸ CHU LAI		142.600	45.000	187.600	156.860	55.000	211.860
3	Kính 5mm Trong THÁI LAN	GUADIAN	149.730	45.000	194.730	164.703	55.000	219.703
4	Kính 5mm Trong INDO	XINYI	149.730	60.000	209.730	164.703	65.000	229.703
5	Kính 5mm xám MALAI (MÀU QUÁ ĐỘ)	KIBINH	186.000	60.000	246.000	204.600	65.000	269.600
6	Kính 5mm xám khói INDO -XINYI	MULIA	232.500	60.000	292.500	255.750	65.000	320.750
7	Kính 5mm Đen Xanh Biển - INDO CHINA		263.500	60.000	323.500	289.850	65.000	354.850
8	Kính 5mm Trà/ INDO hoặc tương đương	INDO/TQ	294.500	60.000	354.500	323.950	65.000	388.950
9	Gương 5mm Nhôm MALAISIA	KOVAN	278.400					292.320
10	Gương 5mm BẠC MALAISIA	XINNY	435.000					456.750
11	Gương 5mm Nhôm InDo	MATAHAR	360.000					378.000
12	Gương 5mm AGC / Thái Lan	GUADIAN	450.000					472.500
LƯU Ý! QUÝ KHÁCH MUA SỐ LƯỢNG TRÊN 100M2 HOẶC CÓ QUY CÁCH "ĐẸP" HẸY LIÊN HỆ ĐỂ CÓ GIÁ TỐT (bởi giá kính phụ thuộc vào sự hao hụt và mức độ phức tạp của yêu cầu gia công)								
13	Kính 6 mm Trong (2134x3048)	Phú Mỹ	160.500	45.000	205.500	176.550	55.000	231.550
15	Kính 7 mm Trong Phú Mỹ - Chu Lai	Việt Nam	165.100	45.000	210.100	173.355	45.000	218.355
16	Kính 8 mm trong Phú Mỹ - Chu Lai	Việt Nam	185.900	45.000	230.900	204.490	55.000	259.490
17	Kính 8 mm Trong THAI LAN	GUADIAN	195.195	45.000	240.195	214.715	55.000	269.715
18	Kính 8 mm Trong INDONEXIA	XINNY	195.195	45.000	240.195	214.715	55.000	269.715
19	Kính 8mm xám MALAI (MÀU QUÁ ĐỘ)	KIBIN	345.000	60.000	405.000	379.500	70.000	449.500
20	Kính 8mm xám khói INDO -XINYI	MULIA	420.000	60.000	480.000	462.000	70.000	532.000
21	Kính 8 mm Xanh Lá IN DO	MULIA	495.000	60.000	555.000	544.500	70.000	614.500
22	8 mm Trà- xanh đen INDO - CHINA	XINNY	495.000	60.000	555.000	544.500	70.000	614.500
23	Kính 8 mm Xanh Biển MULIA / AGC	MULIA	495.000	60.000	555.000	544.500	70.000	614.500
24	Kính 10 mm Trong, Phú Mỹ - Chu Lai	Việt Nam	240.300	55.000	295.300	264.330	65.000	329.330
25	Kính 10 mm Trong INDO	XINYI	252.315	55.000	307.315	277.547	65.000	342.547
26	Kính 10 mm Trong THÁI LAN	GUADIAN	252.315	55.000	307.315	277.547		Thời giá
27	Kính 10 mm Xám Khói Loại quá độ	KIBINH	448.000	70.000	518.000	492.800	90.000	582.800
28	Kính 10 mm Xám Khói INDO XINNY -MULIA		600.000	70.000	670.000	660.000		
29	Kính 10 mm Màu trà	CHI NA	688.000	70.000	758.000	756.800	90.000	846.800
30	Kính 10 mm Xanh Biển Xanh Lá INDO	MULIA / AGC	688.000	70.000	758.000	756.800	90.000	846.800
31	Kính 10 mm Xanh Đen(INDO -CHI NA)	XINYI	720.000	70.000	790.000	792.000	90.000	882.000
32	Kính 12 mm trong Phú Mỹ - Chu Lai	Việt Nam	353.160	70.000	423.160	388.476	90.000	478.476
33	Kính 12mm, trong INDO	XINYI	420.260	70.000	490.260	462.286	90.000	552.286
34	Kính 12 mm Trong Việt Nhật (VFG)	Việt Nam	Thời giá	80.000	Thời giá	Thời giá	95.000	
35	Kính 12 mm Xanh Lá / Xanh Biển/ Tra	Thai lan	937.440	90.000	1.027.440	1.031.184	110.000	1.141.184
36	Kính 12 mm Xanh Đen	INDO	937.440	90.000	1.027.440	1.031.184	110.000	1.141.184
37	Kính 15 mm Trong (INDO-VIỆT NHẬT)		1.296.000	150.000	1.446.000	1.425.600	150.000	1.575.600
38	Kính 19 mm Trong	CHI NA	2.100.000	190.000	2.290.000	2.310.000	200.000	2.519.000
39	Kính ghép 2 lớp (Dưới 5,9mm) và 1 lớp phim trong		268.000					294.800
40	Kính ghép 2 lớp (Dưới 5,9mm) và 1 lớp phim MÀU		288.000					316.800
41	Kính ghép 2 lớp (Dưới 7,9mm) và 1 lớp phim trong		313.000					344.300

42	Kính ghép 2 lớp (Dưới 7,9mm) và 1 lớp phim MÀU		334.000	Kính ghép, dày 8,38mm kính +1 phim MÀU	367.400			
43	Kính ghép 2 lớp (Dưới 9,9mm) và 1 lớp phim trong		376.000	Kính ghép, dày 10,38mm, kính +1 phim trong	413.600			
44	Kính ghép 2 lớp (Dưới 9,9mm) và 1 lớp phim MÀU		396.000	Kính ghép, dày 10,38mm kính +1 phim MÀU	435.600			
45	Kính ghép, dày 12,mm kính +1 phim TRONG		421.000	Kính ghép 12,38 lớp kính dày 6mm +1 lớp phim 0,37	463.100			
46	Phim PVP0,38mm. Hãng LIYANG Top 10 hãng phim Chi Na		120.000	Giá thành phim có thể tăng giảm tùy theo độ dày/ số lớp				
47	Phản Quang 5ly xanh biển/ lá	InDo	492.750	80.000	572.750	517.388	90.000	607.388
48	Phản Quang 6ly xanh biển/ lá	InDo	567.000	80.000	647.000	595.350	90.000	685.350
49	Phản Quang 8ly xanh lá	InDo	810.000	80.000	890.000	850.500	90.000	940.500
50	Phản Quang 8ly xanh biển	InDo	810.000	80.000	890.000	850.500	90.000	940.500
51	Phản Quang 10ly xanh lá /biển	TQ	-					
Kính Solar Màu lá, biển/xám/control vàng VIGLACERA-Việt Nam SX hoặc nhập khẩu từ MALAISIA (XNYI& KIBING)								
52	Kính Solar dày 4mm (các màu phổ thông)	VIGLACERA SX tại Việt Nam hoặc KIBING (nhập khẩu từ MALAISIA)	377.000	70.000	447.000	395.850	80.000	475.850
53	Kính Solar, dày 5mm		459.650	70.000	529.650	482.633	80.000	562.633
54	Kính Solar, dày 6mm		508.950	80.000	588.950	534.398	80.000	614.398
55	Kính Solar, dày 8mm		681.500	90.000	771.500	715.575	80.000	795.575
56	Kính Solar, dày 10mm		804.750	100.000	904.750	844.988	120.000	964.988
57	Kính Solar, dày 12mm		936.700	120.000	1.056.700	983.535	140.000	1.123.535
Kính LOW -E Màu lá, biển/xám/control vàng VIGLACERA-Việt Nam SX hoặc nhập khẩu từ MALAISIA (XNYI& KIBING)								
58	Kính LOW -E, Dày 4mm	VIGLACERA SX tại Việt Nam hoặc KIBING (nhập khẩu từ MALAISIA)	500.175	80.000	580.175	525.184	90.000	615.184
59	Kính LOW -E, Dày 5mm		590.976	80.000	670.976	620.525	90.000	710.525
60	Kính LOW -E, Dày 6mm		655.614	90.000	745.614	688.395	100.000	788.395
61	Kính LOW -E, Dày 8mm		812.592	100.000	912.592	853.222	110.000	963.222
62	Kính LOW -E, Dày 10mm		946.485	110.000	1.056.485	993.809	120.000	1.113.809
Sơn kính: 6 màu gốc 250,000vnd/m ² , pha khác gốc 295,000, kim tuyến 350,000, sơn giả đá & nút: 420,000m ² kính phun cát một mặt hoặc nhúng axit 2 mặt 75,000vnd/ m ² , kính mờ nếu khổ trên 2m ² cộng 20,000vnd/m ² Gia công kính hộp, cách âm :BAO GỒM KHÍ AGON, Thanh nhôm ITALY + hạt hút âm dày 6mm= 300,000m ² - 9mm= 320,000, dày 12mm=340,000 Đơn vị tính nhỏ nhất của kính hộp là 0,35m ² / đơn vị tấm								

CÁC CHÚ Ý VỀ PHẠM VI & ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI CỦA BÁO GIÁ NÀY:

- A** Kính cường lực do nhà máy Hùng Vinh gia công sản xuất từ hệ thống máy CL 2660, MODEL 2020 - **CÔNG NGHỆ HAI BUỒNG NHIỆT - ĐỐI LƯU TOÀN PHẦN**, nên có chất lượng bề mặt đẹp tiêu chuẩn; Các mép cạnh luôn đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7455-2013
- B** Báo giá trên là phôi kính giới hạn khổ 2134mmx3048mm, nếu khổ 2.134 x 3.658mm cộng thêm 5%, khổ 2.438x 3.658 cộng 10%, Khổ 2.700 x 3.658 cộng 15%, trên 2.700x 3.658 vui lòng gọi hỏi.
- C** Bảng giá này chỉ có tính chất tham khảo, do giá kính phụ thuộc vào yếu tố: hao hụt, Chất lượng mức phổ thông hoặc khắt khe, kích thước, kiểu gia công, mức độ rủi ro. Muốn có báo giá chính xác, xin quý khách nêu rõ yêu cầu để chúng tôi báo cụ thể.
- D** **GIA BÁN TRÊN ĐÃ BAO GỒM VẬN CHUYỂN THEO ĐIỀU KIỆN SAU:**
 Vận chuyển miễn phí Không quá 15km tính từ cổng nhà máy -Khi mua 5.000.000VNđ kính thành phẩm, hoặc
 D1 2,000,000VNđ hàng gia công.
 Nơi giao hàng là nơi xe Ô tô có trọng tải 5 tấn được phép lưu thông và dừng đỗ trong giờ hành chính- Khi khối
 D2 lượng trên 200m²/ lần phải là xe 5 tấn.
 Giá thành kính nếu có cộng dịch vụ giao hàng thì chỉ giới hạn kích thước 2,134mmx 1,678mm, nếu kích thước lớn
 D3 hơn xin quý khách vui lòng phụ thêm phí bốc dỡ, vận chuyển
 D4 Khi đơn hàng vượt khỏi điều kiện **D1+D2+D3** xin quý khách vui lòng phụ thêm phí vận chuyển
- E** Bảng giá này áp dụng phương thức THANH TOÁN NGAY KHI MUA. Với hàng sản xuất theo yêu cầu phải đặt cọc để không hủy ngang, giá trị thanh toán được bảo lưu theo tỷ lệ đặt cọc.
- F** Do giá kính thủy tinh rất nhạy cảm, phụ thuộc vào yếu tố cung cầu liên quan đến thị trường Trung Quốc và các quốc gia ASEAN nên giá có thể thay đổi rất nhanh mà không thể báo trước.

Công ty Hùng Vinh có năng lực đáp ứng mọi nhu cầu về kính với giá rất cạnh tranh. Xin liên hệ
Nhà máy đường 5, KCN Đông Xuyên,P, Rạch Dừa, TP Vũng Tàu - 0254 3621 555-3511555

G - web nhomkinhungvinh.com- MST 3500439062 -

hotline 1900 9192

Phụ Trách Bán sỉ :**Ms Nhài** 0834 460 555 - **Ms Trần Trang** 0834 430 555- Ms Thảo 038 888 0555

Phục vụ các dự án: Mr Danh 0946061555 **Giám đốc** 0903807 555 -

Rất mong nhận được sự ủng hộ và phản hồi của quý khách!

Công ty cổ phần Hùng Vinh